TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC HUỆ** TỈNH LONG AN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 21-01-2019
Về việc "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HUỆ TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vụ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tư

2. Bà Phạm Thị Châu Hoàng

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Thành - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ, tỉnh Long An.

Ngày 21 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 217/2018/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2018 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lương Thị Diệu H - Sinh năm 1992 - Địa chỉ: ấp An H, xã Bình Hòa B, huyện C, tỉnh Long An - Chổ ở hiện nay: ấp Hòa T, xã Bình Hòa B, huyện C, tỉnh Long An (Vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Thành Nh - Sinh năm 1989 - Địa chỉ: ấp An H, xã Bình Hòa B, huyện C, tỉnh Long An. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 26 tháng 9 năm 2018, các văn bản tiếp theo, và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lương Thị Diệu H trình bày:

Bà và ông Nguyễn Thành Nh cưới nhau năm 2015, đăng ký kế hôn ngày 10-4-2015 tại Ủy ban nhân dân xã Bình Hòa Bắc. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng đến tháng 10 năm 2016, phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vả nhau. Bà và ông Nh đã ly thân khoảng 01 năm nay.

Về hôn nhân: Bà yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Thành Nh.

Về nuôi con chung: Bà và ông Nh có 01 con chung là Nguyễn Ngọc Lam Anh, sinh ngày 09/9/2016, đang sống chung với bà, sau khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung và yêu cầu ông Nh cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 700.000 đồng từ khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại Bản tự khai ngày 28 tháng 12 năm 2018, các văn bản tiếp theo bị đơn là ông Nguyễn Thành Nh trình bày:

Ông thống nhất với lời trình bày của bà Lương Thị Diệu H về ngày tháng năm chung sống và đăng ký kết hôn, về con chung và việc không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vợ chồng không có mâu thuẫn gì, ông đi làm cuối tuần về có nhậu hoặc đi đám say xỉn, vợ chồng lời qua tiếng lại, bà H nộp đơn ly hôn. Ông và bà H ly thân từ tháng 09/2018 đến nay.

Về hôn nhân: Ông không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Lương Thị Diệu H.

Về con chung: Trường hợp Tòa án giải quyết cho ông và bà H ly hôn thì ông đồng ý đề bà H nuôi con, ông đồng ý cấp dưỡng mỗi tháng 700.000 đồng từ khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi theo yêu cầu của bà H.

Vụ việc được hòa giải Tòa án nhưng không thành.

Ngày 18-01-2019, bà Lương Thị Diệu Hiền có đơn xin xét xử vắng mặt;

Bị đơn là ông Nguyễn Thành Nh vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Lương Thị Diệu H khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Nguyễn Thành Nh, Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Bà H có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử xét đơn khởi kiện của bà Vui theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

[3] Ông Nguyễn Thành Nh đã được tống hợp lệ các thủ tục tố tụng của Tòa án, nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

Hội đồng xét xử xét đơn khởi kiện của bà Hiền theo quy định tại khoản 3 Điều 228, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, ông Những không

được quyền khiếu nại về việc tham gia phiên tòa, vì ông không có mặt theo thông báo và giấy triệu tập của Tòa án, không thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng của đương sự theo quy định pháp luật.

[4] Nguyên đơn không có đơn rút yêu cầu khởi kiện, các đương sự không thỏa thuận được với nhau việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

[5] Xét về hôn nhân:

Bà H và ông Nh chung sống có đăng ký kết hôn ngày 10 - 4 - 2015 tại Ủy ban nhân dân xã Bình Hòa Bắc, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An. Quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông Nh là hôn nhân hợp pháp theo quy định của pháp luật hôn nhân và gia đình.

Hiện bà H yêu cầu ly hôn, ông Nh yêu cầu đoàn tụ

Xét bà H và ông Nh phát sinh mâu thuẫn rồi ly thân, hiện vẫn sống ly thân, tự mỗi người lo cho bản thân, không quan tâm chăm sóc nhau; Mâu thuẫn giữa bà H và ông Nh đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; Việc bà H yêu cầu ly hôn là có căn cứ, phù hợp theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 nên chấp nhận nhận. Ngược lại, yêu cầu đoàn tụ của ông Nh là không có căn cứ chấp nhận

[6] Xét về nuôi con chung:

Trước khi mở phiên tòa, bà H và ông Nh thống nhất: Bà H được trực tiếp nuôi con chung là Nguyễn Ngọc Lam Anh, sinh ngày 09/9/2016, đang sống chung với bà Hiền. Việc thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con chung của 2 đương sự trước khi mở phiên tòa là tự nguyện, phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 nên công nhận.

[7] Xét về cấp dưỡng nuôi con chung: Trước khi mở phiên tòa, bà H và ông Nh thống nhất ông Những có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 700.000 đồng từ khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi là phù hợp quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 nên công nhận.

[8] Xét về chia tài sản chung, nợ chung: Bà H và ông Nh thống nhất không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu, nên không đề cập giải quyết; Nếu sau này có tranh chấp giải quyết bằng vụ án khác là phù hợp.

[9] Về án phí, căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xét thấy: Bà H là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí ly hôn, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp, bà Hiền đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm;

Ông Nh có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Các Điều 56, 81, 82, 83, 84, 107 và 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Bà Lương Thị Diệu H được ly hôn ông Nguyễn Thành Nh.

2. Về nuôi con chung:

Công nhận sự thỏa thuận của đương sự: Bà Lương Thị Diệu H được trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Ngọc Lam Anh, sinh ngày 09/9/2016, đang sống chung với bà Hiền.

Ông Nguyễn Thành Nh có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 700.000 (bảy trăm nghìn) đồng từ khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Ông Nh được quyền thăm nom và chăm sóc con chung. Khi cần thiết, vì lợi ích của con chung, bà H và ông Nh được quyền yêu cầu thay đổi trình trạng nuôi con chung và việc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về chia tài sản chung, nợ chung: Bà H và ông Nh thống nhất không có tài sản, nợ chung, không yêu cầu, nên không đề cập giải quyết. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

4. Về án phí: Bà Lương Thị Diệu H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn, được khấu trừ 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp (Biên lai thu số 0004281 ngày 05/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Huệ), bà Hiền đã nộp đủ án phí.

Ông Nguyễn Thành Nh phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Các đương sự vắng mặt, được quyền kháng cáo bản án theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Huệ;
- Chi cục THADS huyện Đức Huệ;
- UBND xã Bình Hòa Bắc (để ghi sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

Nguyễn Thị Vụ